

CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU NTP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU NTP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NTP IMPORT AND EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NTP IAE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110663916

3. Ngày thành lập: 27/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 69 ngõ 115 đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966451569 / 0963411569 / Fax: 0985236879

Email: ctytnhhxnkntp@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: + Làm trần thạch cao, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được, + Gôm, xi măng hoặc đá cắt hoặc đá ốp sàn, + Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác, + Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa, + Đá lát sàn, đá hoa cương, granit hoặc các tấm phủ tường hoặc sàn, + Giấy dán tường. + Sơn các công trình kỹ thuật dân dụng + Lắp đặt gương kính. + Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng;	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Bán buôn xe có động cơ đã sử dụng qua đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610

11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
25.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
32.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
33.	In ấn	1811
34.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)	2023
37.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
38.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
39.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2399

40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
42.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ Hoạt động của đấu giá viên	4774
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Điều 13. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô - Nghị định 10/2020/NĐ-CP	4932
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Điều 14 Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Nghị định 10/2020/NĐ-CP	4933
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
46.	Bốc xếp hàng hóa	5224
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
55.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

